

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/DS-ST
Ngày 13-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO – THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thắng;

Bà Trịnh Thị Sớm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Tòa án nhân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 459/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 547/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2023, giữa:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q, địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S, phường B, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức P, ông Vũ Tiến B và ông Vũ Văn T – Cán bộ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (Giấy ủy quyền ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q); ông B và ông P vắng mặt, ông T có mặt.

- **Bị đơn:**

Anh Nguyễn Văn G và vợ là chị Phạm Thị H; đều trú tại: Thôn T, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, anh G vắng mặt, chị H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 12 năm 2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện An Lão, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên thống nhất trình bày:

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q với chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn G kí kết hợp đồng tín dụng số: 155.HĐTD1.064.22. Theo hợp đồng tín dụng số: 155.HĐTD1.064.22, ngày 26 tháng 01 năm 2022 chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn G đã vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay: Sửa nhà và mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay: 180 tháng, lãi suất vay kể từ ngày giải ngân cho đến hết 12 tháng là 10.1%/năm. Lãi suất áp dụng với khoản vay cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng (+) biên độ 4.1%/năm. Hoàn trả khoản tín dụng gốc vào ngày 20 hàng tháng, gốc trả 2.777.778 đồng, số tiền còn lại trả vào tháng cuối cùng, ngày trả gốc đầu tiên là ngày 20 tháng 02 năm 2022; ngày trả lãi: vào ngày 20 hàng tháng, ngày trả lãi đầu tiên là ngày 20 tháng 02 năm 2022.

Ngày 03 tháng 3 năm 2022, chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn G có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản với hạn mức 40.000.000 đồng và được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q phê duyệt.

Để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q với chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn G đã giao kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 155.HĐTC1.064.22 ngày 26 tháng 01 năm 2022. Hợp đồng thế chấp được công chứng số: 659/2022, quyền số: 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do văn phòng công chứng Gia Phúc công chứng ngày 26 tháng 01 năm 2022 đối với tài sản cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 3.2 tờ bản đồ số 171-B-I, diện tích 371m², địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 588582, vào sổ cấp giấy chứng nhận số H0320/AL ngày 18 tháng 9 năm 2006 mang tên Anh Nguyễn Văn G và chị Phạm Thị H.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đã giải ngân cho anh G, chị H như sau: Giải ngân 500.000.000 đồng (năm trăm đồng) theo Khế ước nhận nợ số: 155.01.KUNN1.064.22 và Ủy nhiệm chi, ngày 27 tháng 01 năm 2022. Quá trình vay nợ, anh G, chị H đã trả được số tiền gốc là: 26.433.466 đồng, số tiền lãi là: 24.078.330 đồng. Từ ngày 20 tháng 8 năm 2022, anh G, chị H không thực hiện việc trả nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Từ ngày 10 tháng 9 năm 2022, anh G, chị H vi phạm thanh toán đối với khoản vay thẻ tín dụng nêu trên. Tính đến ngày 13 tháng 7 năm 2023, anh G, chị H còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q các khoản nợ gốc, lãi như sau: Đối với hợp đồng tín dụng số: 155.HĐTD1.064.22, gồm: Tiền nợ gốc 473.566.554 đồng, tiền nợ lãi trong hạn 20.858.237 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 61.854.525 đồng; đối với khoản vay thẻ tín dụng, gồm: Tiền nợ gốc 39.999.000 đồng, tiền nợ phí 42.079.755 đồng, tổng cộng:

638.358.071 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q nhiều lần đôn đốc anh G, chị H trả nợ nhưng không có kết quả. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q khởi kiện đề nghị tòa án giải quyết buộc chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn G phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q các khoản nợ nêu trên. Trường hợp anh G, chị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đề nghị được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn chị Phạm Thị H trong quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai ngày 09 tháng 5 năm 2023 và biên bản đối chất ngày 17 tháng 5 năm 2023 và lời khai tại phiên tòa, đã có ý kiến như sau: Chị Phạm Thị H thừa nhận, chị và chồng là Anh Nguyễn Văn G có ký hợp đồng tín dụng số: 155.HĐTD1.064.22, Hợp đồng thế chấp tài sản số 155.HĐTC1.064.22 vào ngày 26 tháng 01 năm 2022 cùng khế ước nhận nợ số: 155.01.KUNN1.064.22 và Ủy nhiệm chi, ngày 27 tháng 01 năm 2022 với mục đích vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán như phía ngân hàng trình bày. Ngày 03 tháng 3 năm 2022, chị và anh G có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản với hạn mức 40.000.000 đồng như Ngân hàng trình bày. Tại phiên tòa chị H khai, số tiền chị và anh G thực tế nhận được là 200.000.000 đồng từ tài khoản mang tên chủ tài khoản Nguyễn Văn T nên chỉ đồng ý thanh toán các khoản nợ gốc, lãi liên quan đến số tiền 200.000.000 đồng. Đối với số tiền 300.000.000 đồng trong hợp đồng tín dụng và số tiền 40.000.000 đồng trong thẻ tín dụng quốc tế chị vay hộ con trai, không được nhận nên không đồng ý trả những khoản tiền này.

Bị đơn Anh Nguyễn Văn G đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của Ngân hàng, nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. bị đơn Anh Nguyễn Văn G không tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn G phải trả cho Ngân hàng Thương

mai Cổ phần Q số tiền tổng cộng là 638.358.071 đồng; trong đó: Đối với hợp đồng tín dụng số: 155.HĐTD1.064.22, gồm: Tiền nợ gốc 473.566.554 đồng, tiền nợ lãi trong hạn 20.858.237 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 61.854.525 đồng; đối với khoản vay thẻ tín dụng, gồm: Tiền nợ gốc 39.999.000 đồng, tiền nợ phí 42.079.755 đồng. Trường hợp chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn G không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp. Về án phí và chi phí tố tụng: Chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua các tài liệu của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc tranh chấp dân sự, bị đơn chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn G, trú tại: Thôn T, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn Anh Nguyễn Văn G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Anh Nguyễn Văn G.

[3] Xét, Hợp đồng tín dụng do chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn G kí kết để vay vốn và đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q, có chữ ký, con dấu của các bên là hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng hợp pháp nên có nghĩa vụ ràng buộc trách nhiệm đối với các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, theo bảng sao kê tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q thì chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn G đã trả được số tiền gốc là: 26.433.466 đồng, số tiền lãi là: 24.078.330 đồng. Từ ngày 20 tháng 8 năm 2022, anh G, chị H không thực hiện việc trả nợ theo hợp đồng tín dụng; từ ngày 10 tháng 9 năm 2022, anh G, chị H vi phạm thanh toán đối với khoản vay thẻ tín dụng quốc tế là vi phạm hợp đồng. Việc để xảy ra tranh chấp hoàn toàn do lỗi của bên vay. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với nghĩa vụ trả nợ của bên vay thể hiện nội dung “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Mặt khác, chị Phạm Thị H cũng đã thừa nhận một phần nghĩa vụ và đồng ý trả số nợ gốc 200.000.000đ. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q yêu cầu chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn G trả số tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng là 473.566.554 đồng (bốn trăm bảy mươi ba triệu,

năm trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm năm mươi bốn đồng) và tiền nợ gốc của thẻ tín dụng quốc tế là 39.999.000 đồng (ba mươi chín triệu, chín trăm, chín mươi chín nghìn đồng) là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về lãi suất căn cứ Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng có quy định: *“1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. 2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

[4.1] Đối với yêu cầu về thanh toán khoản nợ lãi trong hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cụ thể là: Chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn G đã trả được 24.078.330 đồng nợ lãi trong hạn (có bảng kê tính lãi và tổng hợp dư nợ kèm theo). Tính đến ngày 13 tháng 7 năm 2023, chị H, anh G còn nợ lãi trong hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng là 20.858.237 đồng (hai mươi triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn, hai trăm ba mươi bảy đồng), do vậy yêu cầu thanh toán lãi trong hạn của hợp đồng tín dụng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu về thanh toán khoản nợ phí dịch vụ của thẻ tín dụng quốc tế chưa thanh toán lần nào là 42.079.755 đồng (có bảng kê tính lãi và tổng hợp dư nợ kèm theo). Theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định: *“Chỉ tổ chức phát hành thẻ được thu phí của chủ thẻ. Tổ chức phát hành thẻ thu phí theo Biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức mình...”*, do vậy yêu cầu thanh toán khoản nợ phí dịch vụ của thẻ tín dụng quốc tế 42.079.755 đồng (bốn mươi hai triệu, bảy mươi chín nghìn, bảy trăm năm mươi lăm đồng) là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4.3] Đối với yêu cầu về thanh toán các khoản nợ lãi quá hạn của hợp đồng tín dụng số: 155.HĐTD1.064.22, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q yêu cầu cụ thể là: Lãi quá hạn 61.854.525 đồng (có bảng kê tính lãi và tổng hợp dư nợ kèm theo). Tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *“Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Do đó, yêu cầu về thanh toán các khoản tiền nợ lãi quá hạn 61.854.525 đồng (sáu mươi một triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q, là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của ngân hàng: Quyền sử dụng đất

và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 3.2 tờ bản đồ số 171-B-I, diện tích 371m², địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 588582, vào sổ cấp giấy chứng nhận số H0320/AL ngày 18 tháng 9 năm 2006 mang tên Anh Nguyễn Văn G và chị Phạm Thị H. Hợp đồng thế chấp tài sản số 155.HĐTC1.064.22 ngày 26 tháng 01 năm 2022. Hợp đồng thế chấp được công chứng số: 659/2022, quyền số: 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do văn phòng công chứng Gia Phúc công chứng ngày 26 tháng 01 năm 2022, đã đăng ký tài sản thế chấp. Tại tiểu mục 2.1 của mục 2.0 về nghĩa vụ được bảo đảm trong hợp đồng thế chấp tài sản số 155.HĐTC1.064.22 ngày 26 tháng 01 năm 2022 quy định: *“Toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bên B, hiện tại cũng như tương lai, đã phát sinh hoặc có thể phát sinh...”*. Như vậy, Hợp đồng thế chấp tài sản số 155.HĐTC1.064.22 ngày 26 tháng 01 năm 2022, có giá trị đối với cả hai khoản vay là hợp đồng tín dụng số: 155.HĐTD1.064.22, ngày 26 tháng 01 năm 2022 và thẻ tín dụng quốc tế phát hành ngày 03 tháng 3 năm 2022, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q với chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn G. Toàn bộ tài sản thế chấp này là tài sản của Anh Nguyễn Văn G và chị Phạm Thị H. Nên đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 323 và Điều 299 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, yêu cầu đề nghị phát mại tài sản thế chấp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với ý kiến của chị Phạm Thị H cho rằng: Chị và anh G chỉ thực tế nhận được số tiền vay là 200.000.000 đồng từ tài khoản mang tên chủ tài khoản Nguyễn Văn T nên chỉ đồng ý thanh toán các khoản nợ gốc, lãi liên quan đến số tiền 200.000.000 đồng. Đối với số tiền 300.000.000 đồng trong hợp đồng tín dụng và số tiền 40.000.000 đồng trong thẻ tín dụng quốc tế chị vay hộ con trai, không được nhận nên không đồng ý trả. Tại phiên tòa, chị H thừa nhận đã đọc kỹ và trực tiếp ký hợp đồng tín dụng số: 155.HĐTD1.064.22, Hợp đồng thế chấp tài sản số 155.HĐTC1.064.22 vào ngày 26 tháng 01 năm 2022; khế ước nhận nợ số: 155.01.KUNN1.064.22 và Ủy nhiệm chi, ngày 27 tháng 01 năm 2022. Chị cho rằng mình không được nhận số tiền 300.000.000 đồng trong hợp đồng tín dụng và số tiền 40.000.000 đồng trong thẻ tín dụng quốc tế nhưng không đưa được ra bất kỳ tài liệu nào chứng minh. Do đó, ý kiến của chị Phạm Thị H không có căn cứ để chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn G phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 638.358.071 đồng = 20.000.000 đồng + (238.358.071 đồng x 4%) = 29.534.322 đồng, làm tròn số là 29.534.000 đồng (hai mươi chín triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Lão.

[8] Về chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn G phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.300.000 đồng (ba triệu, ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ quy định tại các điều 274, khoản 1 điều 275, 280, 299, 317, 318, 323, 463, điểm b khoản 5 Điều 466, khoản 2 điều 470 và khoản 1 điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ quy định tại Điều 91; Điều 93; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q:

- Buộc chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn G phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tính đến ngày 13 tháng 7 năm 2023 tổng cộng là 638.358.071 đồng; trong đó: Đối với hợp đồng tín dụng số: 155.HĐTD1.064.22, gồm: Tiền nợ gốc 473.566.554 đồng (bốn trăm bảy mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm năm mươi bốn đồng), tiền nợ lãi trong hạn 20.858.237 đồng (hai mươi triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn, hai trăm ba mươi bảy đồng), tiền nợ lãi quá hạn 61.854.525 đồng (sáu mươi một triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng); đối với khoản vay thẻ tín dụng, gồm: Tiền nợ gốc 39.999.000 đồng (ba mươi chín triệu, chín trăm, chín mươi chín nghìn đồng), tiền nợ phí 42.079.755 đồng (bốn mươi hai triệu, bảy mươi chín nghìn, bảy trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên bản án sơ thẩm, người phải thi hành án còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 155.HĐTD1.064.22, ngày 26 tháng 01 năm 2022 và thẻ tín dụng quốc tế phát hành ngày 03 tháng 3 năm 2022, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q với chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn G cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

- Trường hợp chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn G không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 3.2 tờ bản đồ số 171-B-I, diện tích 371m², địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 588582, vào sổ cấp giấy chứng nhận số H0320/AL ngày 18 tháng 9 năm 2006 mang tên Anh Nguyễn Văn G và chị Phạm Thị H.

Nếu phát mại tài sản thế chấp mà không đủ trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q thì chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn G phải tiếp tục trả nợ số tiền gốc và lãi còn lại theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Chị Phạm Thị H và chồng là Anh Nguyễn Văn G phải chịu 29.534.000 đồng (hai mươi chín triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí 12.900.000 đồng (mười hai triệu, chín trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Lão theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001435, ngày 07 tháng 02 năm 2023.

- Buộc Chị Phạm Thị H và chồng là Anh Nguyễn Văn G phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 3.300.000 đồng (ba triệu, ba trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q, chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện An Lão;
- Chi cục THA Dân sự huyện An Lão;
- Đường sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

Nguyễn Tuấn Anh